

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **101/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/3/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Chiến**.

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 618/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn M**, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại Tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn M tự nguyện cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/12/2015. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn

anh M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 24/4/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Nguyễn Tấn M không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời anh cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Huỳnh Thị L và anh Nguyễn Tấn M có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh M và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung: không có là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Tấn M vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Toà án xét xử vắng mặt anh M theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Nguyễn Tấn M là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị L trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị xuất phát từ việc anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Tấn M không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời anh M cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa dù được triệu tập hợp lệ, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn với chị L. Do đó, việc chị L trình bày tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Việc chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 24/4/2018, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật, quá trình tố tụng anh M cũng không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 24/4/2018 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0004436 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Anh Nguyễn Tấn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Chị Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Nguyễn Tấn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh